

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: LUẬT THÚ Y
NGHỀ: THÚ Y
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDLC
ngày.....tháng.....năm
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)*

Lào Cai, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Luật thú y - Luật số 79/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015 và đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Lệnh số 03/2015/L-CTN ngày 03 tháng 7 năm 2015 công bố Luật. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, thay thế Pháp lệnh thú y số 18/2004/PL-UBTVQH10. Đây là một văn bản quan trọng tạo cơ sở pháp lý cho ngành thú y đảm bảo sự thống nhất trong hoạt động thú y từ trung ương đến địa phương, nhằm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe động vật, phát triển bền vững ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, cung cấp sản phẩm động vật bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe con và môi trường sinh thái.

Giáo trình bao gồm có 7 chương, 116 điều. Sau mỗi chương có các câu hỏi ôn tập giúp cho học sinh, sinh viên ngành thú y hiểu được những quy định trong luật thú y. Cung cấp cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về quy định trong việc kiểm tra động vật, các sản phẩm động vật trước, trong và sau quá trình chế biến, giết mổ; các quy định về việc phòng chống, tiêu hủy những bệnh nằm trong danh mục các bệnh bắt buộc phải công bố dịch của ngành thú y.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo nhiều giáo trình, sách tham khảo của các trường đại học và của các tác giả có chuyên môn sâu về những lĩnh vực có liên quan. Tuy có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi có những thiếu sót, chúng tôi rất mong muốn nhận được những ý kiến tham gia, đóng góp của các chuyên gia và đồng đạo bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn !

Lào Cai, ngày tháng năm 2020

Tác giả

Trong giáo trình tác giả nên bổ sung thêm mục này

**Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục bệnh truyền lây
giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới**

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN.....	2
LỜI GIỚI THIỆU.....	3
Chương I.....	9
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	9
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	9
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	9
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thú y.....	12
Điều 5. Chính sách của Nhà nước về hoạt động thú y.....	12
Điều 6. Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.....	13
Điều 7. Thông tin, tuyên truyền về thú y.....	14
Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ.....	14
Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.....	16
Điều 10. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội.....	17
Điều 11. Hợp tác quốc tế về thú y.....	17
Điều 12. Phí, lệ phí về thú y.....	18
Điều 13. Những hành vi bị nghiêm cấm.....	18
Chương II.....	21
PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT.....	21
Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT.....	21
Điều 14. Nội dung phòng, chống dịch bệnh động vật.....	21
Điều 15. Phòng bệnh động vật.....	21
Điều 16. Giám sát dịch bệnh động vật.....	22
Điều 17. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.....	23
Điều 18. Khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người.....	24
Điều 19. Khai báo, chẩn đoán, điều tra dịch bệnh động vật.....	25

Điều 20. Chữa bệnh động vật.....	26
Điều 21. Đối xử với động vật.....	26
Điều 22. Dự trữ và sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia.....	26
Điều 23. Kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật.....	27
Điều 24. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật.....	27
Mục 2. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN.....	27
Điều 25. Xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn.....	27
Điều 26. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.....	29
Điều 27. Tổ chức chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng có dịch.....	30
Điều 28. Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng bị dịch uy hiếp.....	32
Điều 29. Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng đệm.....	33
Điều 30. Xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.....	34
Điều 31. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.....	35
Mục 3. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN.....	35
Điều 32. Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản.....	35
Điều 33. Xử lý ổ dịch bệnh động vật thủy sản.....	36
Điều 34. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.....	38
Điều 35. Tổ chức chống dịch bệnh động vật thủy sản trong vùng có dịch.....	38
Điều 36. Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.....	40
Chương III.....	42
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT.....	42
Mục 1. KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN.....	43
Điều 37. Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.....	43
Điều 38. Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.....	44
Điều 39. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.....	44
Điều 40. Trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông.....	45
Điều 41. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu.....	45
Điều 42. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu.....	46
Điều 43. Phân tích nguy cơ động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu.....	46
Điều 44. Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu.....	46
Điều 45. Hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu.....	47
Điều 46. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu.....	47

Điều 47. Nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu.....	48
Điều 48. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.....	49
Điều 49. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.....	49
Điều 50. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.....	49
Điều 51. Yêu cầu đối với động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm.....	51
Điều 52. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm.....	51
Mục 2. KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN.....	51
Điều 53. Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.....	52
Điều 54. Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.....	52
Điều 55. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.....	53
Điều 56. Trình tự, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.....	53
Điều 57. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm.....	54
Điều 58. Trình tự, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản.....	54
Mục 3. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT.....	55
Điều 59. Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Thú y.....	55
Điều 60. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.....	56
Điều 61. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật.....	56
Điều 62. Trách nhiệm và quyền hạn của kiểm dịch viên động vật.....	56
Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của chủ hàng.....	56
Chương IV.....	58
KIỂM SOÁT GIẾT MỒ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN; SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT; KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y.....	58
Mục 1. KIỂM SOÁT GIẾT MỒ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN.....	59

Điều 64. Yêu cầu đối với giết mổ động vật trên cạn để kinh doanh.....	59
Điều 65. Nội dung kiểm soát giết mổ động vật trên cạn.....	59
Mục 2. KIỂM SOÁT SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT.....	59
Điều 66. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật.....	59
Điều 67. Nội dung kiểm soát sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật.....	60
Mục 3. KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y.....	60
Điều 68. Quy định chung về kiểm tra vệ sinh thú y.....	60
Điều 69. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật trên cạn; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật.....	60
Điều 70. Yêu cầu vệ sinh thú y trong vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.....	62
Điều 71. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật.....	62
Điều 72. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.....	63
Điều 73. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật.....	63
Mục 4. TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN; SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT; KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y.....	64
Điều 74. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.....	64
Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.....	64
Điều 76. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.....	64
Điều 77. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.....	65
Chương V.....	67
QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y.....	67
Mục 1. QUẢN LÝ THUỐC VÀ ĐĂNG KÝ THUỐC THÚ Y.....	67
Điều 78. Quy định chung về quản lý thuốc thú y.....	67
Điều 79. Thuốc thú y không được đăng ký lưu hành.....	67
Điều 80. Đăng ký lưu hành thuốc thú y.....	68
Điều 81. Gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y.....	68
Điều 82. Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y.....	69
Điều 83. Thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y.....	69
Mục 2. KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y.....	70
Điều 84. Khảo nghiệm thuốc thú y.....	70
Điều 85. Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.....	70
Điều 86. Cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.....	71
Điều 87. Thu hồi Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.....	71
Điều 88. Yêu cầu đối với tổ chức khảo nghiệm thuốc thú y.....	71

Điều 89. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khảo nghiệm thuốc thú y.....	71
Mục 3. SẢN XUẤT, BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU THUỐC THÚ Y.....	72
Điều 90. Điều kiện sản xuất thuốc thú y.....	72
Điều 91. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thuốc thú y.....	72
Điều 92. Điều kiện buôn bán thuốc thú y.....	73
Điều 93. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y.....	73
Điều 94. Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.....	74
Điều 95. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y.....	74
Điều 96. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y.....	75
Điều 97. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.....	76
Điều 98. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.....	77
Điều 99. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y.....	78
Điều 100. Nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y.....	78
Điều 101. Kiểm nghiệm thuốc thú y.....	79
Điều 102. Kiểm định thuốc thú y.....	80
Điều 103. Nhãn thuốc thú y.....	80
Điều 104. Sử dụng thuốc thú y.....	81
Mục 4. THU HỒI, TIÊU HỦY THUỐC THÚ Y.....	81
Điều 105. Thu hồi thuốc thú y trên thị trường, xử lý thuốc thú y bị thu hồi.....	81
Điều 106. Tiêu hủy thuốc thú y.....	82
Chương VI.....	84
HÀNH NGHỀ THÚ Y.....	84
Điều 107. Các loại hình hành nghề thú y.....	84
Điều 108. Điều kiện hành nghề thú y.....	84
Điều 109. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y.....	84
Điều 110. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y.....	85
Điều 111. Không cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.....	85
Điều 112. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề thú y.....	86
Điều 113. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hành nghề thú y.....	86
Điều 114. Hội đồng thú y.....	86
Chương VII.....	89
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	89
Điều 115. Hiệu lực thi hành.....	89

Điều 116. Quy định chi tiết.....	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

Tailieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Luật thú y

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ(Lý thuyết: 16 giờ; thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Luật thú y là môn học cơ sở ngành, có thể bố trí học trước hoặc song song với các môn chuyên ngành vì liên quan hầu hết với các môn chuyên ngành Thú y

- Tính chất: Là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành Thú y

Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Trình bày được đầy đủ những quy định trong luật thú y trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý thuốc thú y

- Về kỹ năng: Áp dụng thực hiện đúng luật thú y, tránh vi phạm và sai phạm trong hoạt động lĩnh vực thú y

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghiêm túc thực hiện và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động mọi người dân thực hiện tốt các

QUỐC HỘI

Luật số: 79/2015/QH13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2015

LUẬT

THÚ Y

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật thú y.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên tắc hoạt động thú y; chính sách của Nhà nước về hoạt động thú y; hệ thống cơ quan quản lý và trách nhiệm quản lý nhà nước về thú y. Phí, lệ phí về thú y và những hành vi bị nghiêm cấm
- Thực hiện các hoạt động thú y đúng nguyên tắc, chính sách Nhà nước
- Nghiêm túc chấp hành mọi luật định

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động thú y tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Động vật bao gồm:

a) *Động vật trên cạn* là các loài gia súc, gia cầm, động vật hoang dã, bò sát, ong, tằm và một số loài động vật khác sống trên cạn;

b) *Động vật thủy sản* là các loài cá, giáp xác, động vật thân mềm, lưỡng cư, động vật có vú và một số loài động vật khác sống dưới nước.

2. Sản phẩm động vật là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, bao gồm:

a) *Sản phẩm động vật trên cạn* là thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, sữa ong chúa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, móng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật trên cạn;

b) *Sản phẩm động vật thủy sản* là động vật thủy sản đã qua sơ chế hoặc chế biến ở dạng nguyên con; phôi, trứng, tinh dịch và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật thủy sản.

3. *Sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật* là việc làm sạch, pha lóc, phân loại, đông lạnh, ướp muối, hun khói, làm khô, bao gói hoặc áp dụng phương pháp chế biến khác để sử dụng ngay hoặc làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc dùng cho mục đích khác.

4. *Hoạt động thú y* là công tác quản lý nhà nước về thú y và các hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y.

5. *Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật* là vùng, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống động vật được xác định không xảy ra bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng, cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

6. *Bệnh truyền nhiễm* là bệnh truyền lây trực tiếp hoặc gián tiếp giữa động vật và động vật hoặc giữa động vật và người do tác nhân gây bệnh, truyền nhiễm.

7. *Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm* là vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng, nấm và các tác nhân khác có khả năng gây bệnh truyền nhiễm.

8. *Dịch bệnh động vật* là sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm của động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

9. *Ô dịch bệnh động vật* là nơi đang có bệnh truyền nhiễm của động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

10. *Vùng có dịch* là vùng có ô dịch bệnh động vật hoặc có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới đã được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y xác định.

11. *Vùng bị dịch uy hiếp* là vùng bao quanh vùng có dịch hoặc khu vực tiếp giáp với vùng có dịch ở biên giới của nước láng giềng đã được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y xác định.

12. *Vùng đệm* là vùng bao quanh vùng bị dịch uy hiếp đã được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y xác định.

13. *Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch* là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật, gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội hoặc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm giữa động vật và người.

14. *Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật* là việc kiểm tra, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

15. *Kiểm soát giết mổ* là việc kiểm tra trước và sau khi giết mổ động vật để phát hiện, xử lý, ngăn chặn các yếu tố gây bệnh, gây hại cho động vật, sức khỏe con người và môi trường.

16. *Vệ sinh thú y* là việc đáp ứng các yêu cầu nhằm bảo vệ sức khỏe động vật, sức khỏe con người, môi trường và hệ sinh thái.

17. *Kiểm tra vệ sinh thú y* là việc kiểm tra, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

18. *Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật* bao gồm vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng gây bệnh cho động vật, gây hại cho sức khỏe con người.

19. *Đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y* bao gồm các vi sinh vật gây ô nhiễm, độc tố vi sinh vật; yếu tố vật lý, hóa học; chất độc hại, chất phóng xạ; yếu tố về môi trường ảnh hưởng xấu đến sức khỏe động vật, con người, môi trường và hệ sinh thái.

20. *Chủ hàng* là chủ sở hữu động vật, sản phẩm động vật hoặc người đại diện cho chủ sở hữu thực hiện việc quản lý, áp tải, vận chuyển, chăm sóc động vật, sản phẩm động vật.

21. *Thuốc thú y* là đơn chất hoặc hỗn hợp các chất bao gồm dược phẩm, vắc-xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất được phê duyệt dùng cho động vật nhằm

phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều chỉnh, phục hồi chức năng sinh trưởng, sinh sản của động vật.

22. *Thuốc thú y thành phẩm* là thuốc thú y đã qua tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất, kể cả đóng gói trong bao bì cuối cùng, dán nhãn, đã qua kiểm tra chất lượng cơ sở và đạt các chỉ tiêu chất lượng theo hồ sơ đăng ký.

23. *Nguyên liệu thuốc thú y* là những chất có trong thành phần của thuốc thú y.

24. *Vắc-xin dùng trong thú y* là chế phẩm sinh học chứa kháng nguyên, tạo cho cơ thể động vật khả năng đáp ứng miễn dịch, được dùng để phòng bệnh.

25. *Chế phẩm sinh học dùng trong thú y* là sản phẩm có nguồn gốc sinh học dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều chỉnh quá trình sinh trưởng, sinh sản của động vật.

26. *Vi sinh vật dùng trong thú y* là vi khuẩn, vi rút, đơn bào ký sinh, nấm mốc, nấm men và một số vi sinh vật khác dùng để chẩn đoán, phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật, nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y.

27. *Hóa chất dùng trong thú y* là sản phẩm có nguồn gốc hóa học dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật.

28. *Kiểm nghiệm thuốc thú y* là việc kiểm tra, xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thú y.

29. *Khảo nghiệm thuốc thú y* là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của thuốc thú y trên động vật tại cơ sở khảo nghiệm.

30. *Kiểm định thuốc thú y* là việc kiểm tra, đánh giá lại chất lượng thuốc thú y đã qua kiểm nghiệm, khảo nghiệm hoặc đang lưu hành khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc có yêu cầu, trưng cầu giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thú y

1. Bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động thú y từ trung ương đến địa phương nhằm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe động vật, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, tính bền vững trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

2. Thực hiện phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời, chống dịch khẩn trương; phát hiện nhanh, chính xác, xử lý triệt để các ổ dịch bệnh động vật, nguồn lây dịch bệnh động vật; ngăn chặn kịp thời sự lây nhiễm, lây lan của đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

3. Phòng, chống dịch bệnh động vật trước hết là trách nhiệm của chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời, hiệu quả.

4. Bảo đảm thuận lợi trong giao dịch thương mại đối với động vật, sản phẩm động vật; hài hòa lợi ích của Nhà nước, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Áp dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, kết hợp khoa học và công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của nhân dân trong phòng, chống dịch bệnh, chữa bệnh động vật.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về hoạt động thú y

1. Trong từng thời kỳ, Nhà nước có chính sách cụ thể đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động sau đây:

a) Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ trong chẩn đoán, xét nghiệm, chữa bệnh động vật; xây dựng các cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, khảo nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y phục vụ quản lý nhà nước; xây dựng khu cách ly kiểm dịch;

b) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; quy hoạch cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật theo hướng công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi;

c) Phát triển hệ thống thông tin, giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật;

d) Phòng, chống dịch bệnh động vật và khắc phục thiệt hại sau dịch bệnh động vật;

đ) Phòng, chống dịch bệnh có trong Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch; kiểm soát, khống chế, thanh toán các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật, các bệnh truyền lây giữa động vật và người;

e) Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường;

g) Sản xuất thuốc thú y, vắc-xin phục vụ phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm của động vật;

h) Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật.

2. Nhà nước khuyến khích các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ động vật tập trung;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật; xã hội hóa hoạt động thú y, bảo hiểm vật nuôi;

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, áp dụng hệ thống thực hành tốt, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong lĩnh vực thú y;

d) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực thú y;

đ) Chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ động vật vì mục đích nhân đạo.

3. Người thực hiện hoạt động thú y theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu bị lây nhiễm bệnh, bị thương, chết thì được xem xét, hưởng chế độ, chính

sách như đối với thương binh, liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 6. Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y

1. Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y gồm có:

a) Cục Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh);

c) Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y đặt tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi là cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện).

2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

Điều 7. Thông tin, tuyên truyền về thú y

1. Việc thông tin, tuyên truyền về thú y nhằm cung cấp kiến thức về dịch bệnh động vật, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật và chính sách, pháp luật về thú y.

2. Việc thông tin, tuyên truyền về thú y được thực hiện bằng nhiều hình thức, phù hợp với đối tượng, địa bàn. Nội dung thông tin, tuyên truyền về thú y phải bảo đảm chính xác, kịp thời, dễ hiểu.

3. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong hoạt động thông tin, tuyên truyền về thú y:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, chỉ đạo việc cung cấp thông tin, thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền về thú y;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền về thú y.

4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thông tin, tuyên truyền về thú y phải tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thú y trong phạm vi cả nước.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thú y và có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về thú y;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thú y;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y;

d) Quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật;

đ) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ trong lĩnh vực thú y;

e) Tổ chức điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thú y;

g) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về thú y;

h) Quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh trong hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn;

i) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động thú y; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền;

k) Thống kê về thú y;

l) Chỉ đạo, thực hiện hợp tác quốc tế về thú y.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc phòng, chống các bệnh truyền lây giữa động vật và người.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về buôn bán động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y lưu thông trên thị trường.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực thú y.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về điều kiện hoàn tất thủ tục hải quan trong kiểm tra, giám sát động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch, mẫu bệnh phẩm, thuốc thú y khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; chống buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới; hướng dẫn địa phương bố trí, sử dụng ngân sách hằng năm và bảo đảm kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

7. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc bảo đảm an ninh liên quan đến phòng, chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc bảo đảm quốc phòng, an ninh liên quan đến phòng, chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chỉ đạo Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển phối hợp với cơ quan hữu quan phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới.

9. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn việc truyền tải thông tin cảnh báo dịch bệnh động vật, phòng, chống dịch bệnh động vật.

10. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về bảo vệ môi trường, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan đến lĩnh vực thú y.

11. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm soát phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật về thú y;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

c) Quyết định phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí, huy động nguồn lực của địa phương theo quy định của pháp luật để phòng, chống, giám sát dịch bệnh động vật; kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc thú y lưu hành trên địa bàn; bố trí kinh phí xử lý, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y vô chủ tại địa phương và hoạt động khác có liên quan đến thú y;

d) Chỉ đạo, tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật;

đ) Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, giáo dục pháp luật về thú y;

e) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động thú y, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi chung là cấp huyện) có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về thú y;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật;

c) Bố trí kinh phí và tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; thống kê, đánh giá, hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật;

d) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động thú y, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về thú y;

b) Quy định địa điểm và tổ chức xử lý, tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh, thuốc thú y giả, kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu;

c) Tổ chức giám sát phát hiện sớm và thông báo tình hình dịch bệnh động vật; triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; tổng hợp, báo cáo thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật;

d) Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện giám sát dịch bệnh động vật, thống kê về thú y;

đ) Tổ chức kiểm tra hoạt động thú y, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách, pháp luật về thú y; tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực thú y theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội tham gia ý kiến xây dựng pháp luật trong lĩnh vực thú y; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về thú y; tư vấn, tập huấn kỹ thuật về thú y.

Điều 11. Hợp tác quốc tế về thú y

1. Nội dung hợp tác quốc tế về thú y bao gồm:

a) Ký kết, gia nhập và thực hiện thỏa thuận, điều ước quốc tế trong lĩnh vực thú y mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong lĩnh vực thú y;

c) Hỗ trợ nguồn lực.

2. Cục Thú y là cơ quan đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế về thú y theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 12. Phí, lệ phí về thú y

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y phải trả phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 13. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm làm lây lan dịch bệnh động vật.

2. Khai báo, lập danh sách, xác nhận không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy; khai báo, xác nhận không đúng số lượng, khối lượng vật tư, hóa chất để phòng, chống dịch bệnh động vật với mục đích trục lợi.

3. Không thực hiện việc thông báo, công bố dịch bệnh động vật trong trường hợp phải thông báo, công bố theo quy định của Luật này.

4. Thông tin không chính xác về tình hình dịch bệnh động vật.

5. Không triển khai hoặc triển khai không kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của Luật này.

6. Không chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

7. Vứt động vật mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng, xả nước thải, chất thải mang mầm bệnh ra môi trường.

8. Vận chuyển động vật mắc bệnh, sản phẩm hoặc chất thải của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, động vật mắc bệnh với bệnh dịch động vật đã công bố và sản phẩm của chúng ra khỏi vùng có dịch khi không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.

9. Tiêu hủy không đúng quy định hoặc không tiêu hủy động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc diện phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

10. Mua bán, tự ý tẩy xóa, sửa chữa các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ trong lĩnh vực thú y.

11. Đánh tráo hoặc làm thay đổi số lượng động vật, sản phẩm động vật đã được kiểm dịch.

12. Trốn tránh việc kiểm dịch; vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch mà không có Giấy chứng nhận kiểm dịch, không rõ nguồn gốc xuất xứ.
13. Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh nguy hiểm trên loài động vật mắc cảm với bệnh dịch đó.
14. Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, mẫu bệnh phẩm không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.
15. Nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện cấm nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật.
16. Giết mổ, thu hoạch động vật, sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm trước thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y theo hướng dẫn sử dụng.
17. Giết mổ, chữa bệnh động vật mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh.
18. Giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.
19. Sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y hoặc chứa các vi sinh vật, chất tồn dư quá giới hạn cho phép.
20. Ngâm, tẩm hóa chất, đưa nước hoặc các loại chất khác vào động vật, sản phẩm động vật làm mất vệ sinh thú y.
21. Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y để phòng bệnh, chữa bệnh động vật; sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y cấm sử dụng, thuốc thú y hết hạn sử dụng, thuốc thú y chưa được phép lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều 15 của Luật này.
22. Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y giả, thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y cấm sử dụng, thuốc thú y hết hạn sử dụng, thuốc thú y kém chất lượng, thuốc thú y chưa được phép lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật này.
23. Lưu hành thuốc thú y có nhãn không đúng với nội dung nhãn đã đăng ký với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.
24. Quảng cáo thuốc thú y không đúng với tính năng, công dụng đã đăng ký.
25. Hành nghề thú y trái pháp luật.